

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2021/HNGĐ-ST

Ngày 24/5/2021.

“V/v ly hôn, tranh chấp về con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến - Cán bộ hưu.

Bà Lê Thị Minh Khánh - Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 24/5/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 13/2021/TLST-HNGĐ ngày 13/01/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2021, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1982. Vắng mặt.

HKTT: thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Nguyễn Thị H, sinh năm 1984.

HKTT: thôn B, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ trước khi nước ngoài: thôn Q, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn K trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H ngày 10/02/2003 tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Anh chị chung sống được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Chị Nguyễn Thị H xung khắc với chồng và bố mẹ chồng trong cuộc sống hằng ngày. Bố mẹ anh K đã chỉ bảo nhiều lần cho chị Nguyễn Thị H nhưng chị không sửa chữa được những thói hư tật xấu, thường phát sinh vô cớ do mình gây nên. Việc này thường lặp đi lặp lại nhiều lần trong nhiều năm. Năm 2018 chị Nguyễn Thị H có trở về nhà bố mẹ đẻ ở rồi tự ý sang Đài Loan lao động không có sự bàn bạc, trao đổi và không có sự đồng ý của anh. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Anh và chị H có hai con chung là cháu Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 03/01/2006 và cháu Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 04/01/2004. Sau khi ly hôn, anh đề nghị được nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Không nợ ai nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là chị Nguyễn Thị H hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với chị Nguyễn Thị H.

* Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua mẹ đẻ chị H là bà Dương Thị V, sinh năm 1961, địa chỉ: thôn Q, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang, bà Vân có quan điểm trình bày như sau:

- Bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị H có địa chỉ như trên, hiện nay chị Nguyễn Thị H đang đi lao động tại Đài Loan không có mặt ở tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình. Về địa chỉ của chị Nguyễn Thị H ở nước ngoài thì bà không biết nên không cung cấp cho Tòa án được và gia đình cũng từ chối thực hiện yêu cầu của Tòa án về việc thông báo, yêu cầu chị Nguyễn Thị H gửi quan điểm, lời khai về cho Tòa án. Chị Nguyễn Thị H có trao đổi quan điểm với gia đình về việc anh Nguyễn Văn K xin ly hôn như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị H đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

- Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 03/01/2006 và cháu Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 04/01/2004. Hiện nay hai cháu đang ở với anh K. Sau khi ly hôn anh K đề nghị được nuôi con chung thì chị

Nguyễn Thị H đồng ý không có ý kiến gì.

- Về tài sản chung, công nợ chung: chị Nguyễn Thị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại đơn trình bày nguyện vọng, cháu Nguyễn Thanh H1 và cháu Nguyễn Mạnh D trình bày có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Văn K xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Chị Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho anh Nguyễn Văn K được ly hôn chị Nguyễn Thị H. Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 03/01/2006 và cháu Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 04/01/2004 cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh Nguyễn Văn K không yêu cầu nên không xem xét. Tài sản chung, công nợ: các đương sự trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn K là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung đối với chị Nguyễn Thị H. Bị đơn chị Nguyễn Thị H là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn Bo Chợ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 130/QLXNC-P5 ngày 31/12/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì chị Nguyễn Thị H đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 19/11/2018, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của chị Nguyễn Thị H. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định: về quan hệ pháp luật đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về con chung” theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn K vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp chị Nguyễn Thị H cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị Nguyễn Thị H theo quy định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn K, chị Nguyễn Thị H.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Theo lời trình bày của anh Nguyễn Văn K: Anh Nguyễn Văn K kết hôn với chị Nguyễn Thị H trên cơ sở có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 10/02/2003 tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Anh chị chung sống được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Chị Nguyễn Thị H xung khắc với chồng và bố mẹ chồng trong cuộc sống hằng ngày. Bố mẹ anh K đã chỉ bảo nhiều lần cho chị Nguyễn Thị H nhưng chị không sửa chữa được những thói hư tật xấu, thường phát sinh vô cớ do mình gây nên. Việc này thường lặp đi lặp lại nhiều lần trong nhiều năm. Năm 2018 chị Nguyễn Thị H có trở về nhà bố mẹ đẻ ở rồi tự ý sang Đài Loan lao động không có sự bàn bạc, trao đổi và không có sự đồng ý của anh. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân của anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị H là hợp pháp. Hiện nay anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị H mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị H đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Thông qua người thân thích chị H cũng có quan điểm đồng ý ly hôn với anh K. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Nguyễn Văn K được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

[4]. Về con chung:

[4.1]. Anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị H có hai con chung là cháu Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 03/01/2006 và cháu Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 04/01/2004. Hiện nay hai con chung đang ở với anh K. Sau khi ly hôn anh K đề nghị được nuôi con chung thì chị Nguyễn Thị H đồng ý, không có ý kiến gì.

[4.2]. HĐXX thấy: Tại thời điểm Tòa án giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị H không có mặt tại gia đình mà đang ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Do đó chị Nguyễn Thị H không trực tiếp nuôi dưỡng con chung được. Chị Nguyễn Thị H cũng đồng ý để anh K nuôi hai con chung. Các con chung cũng có nguyện vọng được ở với anh K. Do đó để đảm bảo quyền lợi của các con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 03/01/2006 và cháu Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 04/01/2004 cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Nguyễn Văn K không yêu cầu.

[4.3]. Các quyền khác về con chung sau khi ly hôn:

- Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Trường hợp chị Nguyễn Thị H về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng

vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): các đương sự trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn K được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 03/01/2006 và cháu Nguyễn Thanh H1, sinh ngày 04/01/2004 cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Nguyễn Văn K không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp chị Nguyễn Thị H về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000864 ngày 12/01/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nguyễn Văn K đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Chị Nguyễn Thị H hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn Văn K cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Đ, huyện Y;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ong Thân Thắng

